TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hải

2. Ông Nguyễn Minh Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 ngày 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: Số 7B/35 đường Hạ L, phường Hạ L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Khu đô thị Gò Gai, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Quỳnh D, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT: Số 7B/35 đường Hạ Lý, phường Hạ L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Số 6 Lô 23 Thế Lữ, phường Hạ L, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Quỳnh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hạ L, quận Hồng B thành phố Hải Phòng

ngày 30/6/2016. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà trọ để sinh sống, sau đó có chuyển về nhà ở cùng với bố mẹ đẻ chị D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, một phần nguyên nhân do chị D không quan tâm đến gia đình anh, mặc dù anh đã khuyên bảo chị nhiều nhưng không cải thiện. Đến khoảng tháng 7/2022 anh đã dọn ra ở một mình, thuê nhà bên huyện Thủy Nguyên để ở và sửa chữa xe thuê cho một Gara ô tô, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Quỳnh D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Khổng T, sinh ngày 29/6/2017. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, anh có đề nghị Tòa án cho anh chị tự thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án do chị D đề nghị anh phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3 triệu đồng/tháng nếu phải ly hôn nên anh đề nghị Tòa án xem xét mức cấp dưỡng nuôi con từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng/tháng do hiện nay anh làm lao động tự do, chị D là giáo viên mầm non. Thời hạn cấp dưỡng, anh đề nghị cấp dưỡng sau khi xét xử vụ án. Về phương thức giao nhận tiền cấp dưỡng, anh T đề nghị tự thỏa thuận với chị D và không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh T đề nghị Tòa án để anh và chị Nguyễn Quỳnh D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là chị Nguyễn Quỳnh D:*

+ Tại bản tự khai ngày 16/02/2023 chị D trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng ngày 30/6/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê nhà trọ một thời gian sau đó chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Bình thường anh T đi làm từ sáng đến tối, sau đó về nhà ăn uống rồi lại sang huyện Thủy Nguyên để trông giữ một Gara ô tô vào ban đêm. Chị thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân đôi khi có những bất đồng quan điểm nhưng đã được giải quyết. Việc anh T làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý vì cho rằng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường.

+ Bản tự khai ngày 10/3/2023, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với anh T vì cho rằng anh T có mối quan hệ ngoại tình dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ.

+ Tòa án lấy lời khai của chị D ngày 21/3/2023, chị D trình bày không đồng ý ly hôn với anh T. Chị xác nhận từ tháng 7/2022 đến nay anh T đã chuyển ra ở một mình và không còn ở cùng với chị nữa.

Về con chung: Chị xác nhận anh chị có con chung là cháu Phạm Nguyễn Khổng Tú, sinh ngày 29/6/2017. Hiện nay cháu Tú đang sinh sống cùng chị, trong

trường hợp phải ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng:Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là chị Nguyễn Quỳnh D chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần 1 và lần 2 không có lý do chính đáng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83, 107, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T, xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh D. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Khổng T1, sinh ngày 29/6/2017 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 20/4/2023; về phương thức cấp dưỡng: Do anh T đề nghị được tự thỏa thuận với chị D nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn là anh T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Quỳnh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Quỳnh D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nhưng không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Quỳnh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/6/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, chị D cũng chưa có giải pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Trong khi đó anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Quỳnh D có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Khổng Tú, sinh ngày 29/6/2017. Hiện nay cháu Tú đang sinh sống cùng mẹ là chị D, cháu còn nhỏ, là con gái nên cần mẹ chăm sóc là phù hợp. Mặt khác, anh T và chị D đều có quan điểm giao con cho chị D nuôi dưỡng, do đó cần giao cháu Phạm Nguyễn Khổng T1 cho chị Nguyễn Quỳnh D được nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng chị không đề nghị Tòa án buộc anh T phải cấp dưỡng từ thời điểm nào và phương thức cấp dưỡng như thế nào. Mặt khác, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con từ 02 triệu đồng đến 03 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ sau ngày xét xử. Xét yêu cầu trên của chị D phù hợp với nguyện vọng của anh T và phù hợp với thực tế công việc của hai bên cũng như nhu cầu học tập và sinh hoạt của con chung nên được chấp nhận. Do đó, anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời hạn cấp dưỡng từ ngày 20/4/2023. Về phương thức và việc giao nhận tiền cấp dưỡng do anh T đề nghị được tự thỏa thuận với chị D, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Quỳnh D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82; 83, 107, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Quỳnh D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Khổng T1 sinh ngày 29/6/2017 cho chị Nguyễn Quỳnh D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con của chị D được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng /tháng tính từ ngày 20 tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về

phương thức và việc giao nhận tiền cấp dưỡng do anh T và chị D tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Quỳnh D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai ký hiệu: AA/2021 số 0009678 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Anh Phạm Văn T còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Quỳnh D (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Quỳnh Như